

Chương IV

ẤN ĐỘ THỜI PHONG KIẾN

Bài 6

CÁC QUỐC GIA ẤN VÀ VĂN HOÁ TRUYỀN THỐNG ẤN ĐỘ

(1 tiết)

I - MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Về kiến thức

Giúp HS hiểu được :

- Ấn Độ là một nước có nền văn minh lâu đời, phát triển cao, cùng với Trung Quốc có ảnh hưởng sâu rộng ở châu Á và trên thế giới.
- Thời Vương triều Gúp-ta và Hậu Gúp-ta là thời kì định hình văn hoá truyền thống Ấn Độ.
- Nội dung văn hoá truyền thống Ấn Độ.

2. Về tư tưởng, tình cảm

Văn hoá Ấn Độ có ảnh hưởng trực tiếp đến Việt Nam, tạo nên mối quan hệ kinh tế và văn hoá mật thiết giữa hai nước. Đó là cơ sở để tăng cường sự hiểu biết, quan hệ thân tình, tôn trọng nhau giữa hai nước.

3. Về kĩ năng

Rèn luyện kĩ năng phân tích, tổng hợp.

II - NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Nội dung bài giới thiệu về lịch sử Ấn Độ chủ yếu từ đầu đến thế kỉ X.

Bài học chỉ bắt đầu từ khoảng năm 1500 TCN, tức là năm bắt đầu của văn minh sông Hằng ở Đông Bắc Ấn Độ. Thời gian trước, xa hơn nữa từ khoảng 3000 năm đến 1500 năm TCN, là thời cổ xưa nhất, thời văn minh sông Ấn ở Tây Bắc Ấn Độ, đã học ở bài "Các quốc gia cổ đại phương Đông" ; ở đây không cần nhắc lại.

Thời Vương triều Gúp-ta chỉ chiếm một phần nhỏ, hơn 1 thế kỉ, nhưng đó là thời kì định hình của văn hoá truyền thống Ấn Độ, tiêu biểu cho nội dung của cả một thời kì dài của lịch sử Ấn Độ.

Bài có 2 mục, mỗi mục không có nhiều sự kiện, nhưng lại có một số ý, liên hoàn, làm thành bức tranh lịch sử và văn hoá của một thời – thời Gúp-ta ở Ấn Độ.

III - THIẾT BỊ, TÀI LIỆU DẠY — HỌC

- Tranh ảnh về các công trình nghệ thuật của Ấn Độ.
- Chuẩn bị băng video về văn hoá Ấn Độ (đã phát trên kênh VTV2 vào tháng 6-2003), cho HS xem một đoạn.

IV - GỢI Ý TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY — HỌC

1. Giới thiệu bài học

GV có thể sử dụng đoạn mở đầu của bài trong SGK.

2. Tổ chức các hoạt động dạy và học

Mục 1. Thời kì các quốc gia đầu tiên

GV nên cho HS nắm 2 ý chính :

– Ở vùng sông Hằng mưa thuận gió hoà (hàm ý sông Ấn trước kia nắng cháy, khô hạn) bắt đầu hình thành 6 – 7 nước, thường tranh giành ảnh hưởng, nhưng mạnh nhất là nước Ma-ga-đa.

– Vua mở đầu là Bim-bi-sa-ra, nhưng vua kiệt xuất nhất (vua thứ 11) là A-sô-ca. Kiệt xuất ở chỗ ông chinh chiến, thống nhất lãnh thổ và hoạt động văn hoá của ông (phát triển Phật giáo và dựng nhiều "chỉ dụ A-sô-ca", như kiểu văn bia).

Có 2 sự kiện văn hoá và 3 tên riêng, cùng với 1 sự kiện bao trùm là bước đầu thống nhất lãnh thổ bằng các cuộc chinh chiến, GV nên giảng cho HS biết và hiểu về một giai đoạn đầu của lịch sử Ấn Độ.

Mục này giảng nhanh, để dành 2/3 tiết học cho mục 2, chủ yếu tập trung cho nội dung của thời Gúp-ta.

Mục 2. Thời kì Vương triều Gúp-ta và sự phát triển văn hoá truyền thống Ấn Độ

Giới thiệu thời kì phát triển với tên gọi nhấn mạnh về thời này là *Vương triều Gúp-ta* ; bởi Gúp-ta là chính nhưng không chỉ có Gúp-ta (319 – 467), mà tiếp sau là Hậu Gúp-ta (467 – 606) và cả Hác-sa (606 – 647), có cùng tính chất cơ bản là sự định hình và phát triển của văn hoá truyền thống Ấn Độ.

GV cho HS hiểu : Giai đoạn trước Gúp-ta, từ đầu Công nguyên đến năm 319, miền Bắc Ấn Độ còn thường xuyên bị các tộc bên ngoài uy hiếp, xâm lấn (tham khảo *Lịch sử thế giới cổ đại* – sách ĐHSP, chương IV, mục 7 ; chỉ nói lướt qua để nối thời gian lịch sử), đến năm 319, vua Gúp-ta I thống nhất Bắc Ấn Độ rồi lên ngôi, lập Vương triều Gúp-ta.

Tuy nhiên, GV cần nhấn mạnh giai đoạn trước cũng là *chuẩn bị* cho sự phát triển thời Gúp-ta và cả giai đoạn sau, khi vương triều này đã kết thúc (467 – 606) vẫn là sự tiếp nối những thành tựu đã đạt được ở thời Gúp-ta. Như thế, HS có thể hiểu diễn biến của tiến trình lịch sử, trong đó nổi bật và nhấn mạnh cái tên Vương triều Gúp-ta cùng với nội dung của nó.

GV không cần nhấn mạnh để HS phải nhớ vương triều có mấy vua, từ năm nào đến năm nào, chỉ cần hiểu vương triều này nằm trong sự liên tục, không phải là đứt đoạn của tiến trình lịch sử.

Tóm lại, nội dung chính của mục là dùng lại để giảng về *thời kì lịch sử Gúp-ta* – thời định hình văn hoá truyền thống Ấn Độ và những sự kiện văn hoá gắn với nó.

Đạo Phật từ buổi đầu nước Ma-ga-đa phát triển đến cả thời Gúp-ta (từ thế kỉ V TCN đến thế kỉ V SCN) qua cả nghìn năm. Quê hương của Phật ở thành phố Ka-pi-la-va-xtu, chân núi Hi-ma-lay-a, được truyền bá khắp miền Bắc Ấn Độ và rộng ra đến nhiều nơi.

Đồng thời với đạo Phật, Ấn Độ còn có sự truyền bá đạo Hindu (hay Ấn Độ giáo) thờ Bộ ba : thần Brama, thần Visnu, thần Siva và nhiều thần khác, nhất là Indra.

Người Ấn Độ cũng hoàn chỉnh chữ viết cổ của mình, chữ Phạn (*Sanscrit*) để ghi chép, sáng tác thơ văn, làm thành một nền văn học cổ điển Ấn Độ – văn học Hindu, mang tinh thần và triết lí Hindu giáo.

Kết lại, HS cần hiểu nội dung và ý nghĩa đoạn in trong SGK : "Thời Gúp-ta đã có... của loài người.

GV nên dùng tranh ảnh có hình Phật và các vị thần như thần Brama, Siva, Visnu ở Ấn Độ để HS có khái niệm về hình thức của tôn giáo, chứ chưa phải là nội dung tôn giáo đó. Như thế là một đất nước, một thời, lại sản sinh ra hai tôn giáo thế giới làm thành nét nổi bật của văn hoá Ấn Độ.

Một nét nổi bật nữa là chữ viết được hoàn thiện, nhờ đó mà có cả một nền văn học cổ.

3. Sơ kết bài

Mục 1 : 2 ý chính.

Mục 2 : Nội dung văn hoá truyền thống.

Cuối cùng, GV đặt câu hỏi và hướng dẫn HS trả lời :

- Tại sao gọi cả một thời kì đầu của văn minh sông Hằng là thời Gúp-ta ?
- Những nét đặc sắc của văn hoá truyền thống Ấn Độ là gì ?

V - TÀI LIỆU THAM KHẢO

Chữ cổ nhất của Ấn Độ, được khắc trên các con dấu và được phát hiện ở lưu vực sông Ấn, đã có lịch sử từ hơn 2000 năm TCN. Chữ này mất đi cùng với nền văn hoá sông Ấn, không ai còn dùng, không ai còn biết đọc nữa.

Dân bản địa cũng như các bộ lạc nói ngôn ngữ Ấn - Âu đến từ giữa thiên niên kỉ II TCN, một thời gian dài không có chữ viết.

Khoảng 800 năm TCN, bắt đầu xuất hiện chữ viết được khắc trên hiện vật. Sớm nhất là chữ *Kharosthi*, có nguồn gốc chữ A-ra-ma-ic ở Tây Á được dùng ở I-iran và vùng Tây Bắc Ấn Độ. Trên bán đảo Ấn Độ, dùng rộng rãi hơn chữ *Brami*, có nguồn gốc Sêmitic cũng ở Tây Á.

Ít lâu sau, có lẽ khoảng thế kỉ VII TCN, từ những chữ viết này, người ta cải biên thành mẫu tự *Devanagari* để ghi chép ngôn ngữ Ấn - Âu : chữ *Phạn (Sanskrit)* ra đời.

Nhưng các địa phương Bắc Ấn, nhất là vùng Ma-ga-đa, người ta ngày càng quen nói một thứ tiếng Ấn - Âu đã chuyển hoá, cải biên, trở thành thổ ngữ (*Prākṛita* : thổ ngữ). Khi Phật truyền giáo, Người nói với mọi người bằng *Prākṛita* này, để mọi người hiểu được, và người ta lại cải biên và sáng tạo một hệ thống mẫu tự để ghi chép *Prākṛita*. Đó là *Pali*.

So với *Sanskrit*, *Pali* đơn giản hơn về âm tiết, biến cách, cú pháp và đơn giản hơn cả về nét chữ.

Kharosthi và *Brami* vẫn được dùng mấy thế kỉ nữa, đặc biệt trong những trường hợp giao tiếp và giao dịch. A-sô-ca cho dựng nhiều cột đá để ghi các chiến công của mình, rải rác hầu khắp bán đảo Ấn Độ. Các cột này được khắc bằng chữ viết thông dụng ở địa phương. Rất nhiều con dấu và đồ trang sức đã được tìm thấy ở Ấn Độ và nước ngoài, khắc chữ *Brami*. Việc G. Prin-sép giải mã được chữ *Brami*

(1837) đã giúp đọc được các cột A-sô-ca và rất nhiều chữ khắc rời rạc nói trên⁽¹⁾. Tuy nhiên, chữ Kharosthi và Brami không có cơ hội phát triển vì không phải là ngôn ngữ và văn tự bản địa Ấn Độ.

Vì thế, còn lại chữ *Sanskrit* và tiếng *Sanskrit* trở thành tiếng thông dụng chính thức ở Ấn Độ từ thế kỉ VI TCN cho đến khoảng thế kỉ X SCN, trước khi nó trở thành *Apabhramsa*, cái cầu nối Sanskrit với các ngôn ngữ tộc người hiện đại.

(Theo : Lương Ninh (Chủ biên),
Lịch sử thế giới cổ đại, NXB Giáo dục, H., 2000)